

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

TÌM HIỂU KIẾN TRÚC TÂM MỘ TUYÊN VƯƠNG, MỤC VƯƠNG

Lê Thị An Hòa, Đỗ Minh Điền*

1. Thân thế và sự nghiệp Tuyên Vương và Mục Vương

1.1. Tuyên Vương Nguyễn Phúc Hạo (1739 - 1760)

Tuyên Vương Nguyễn Phúc Hạo 阮福昊, còn có tên là Hiệu, ông là con thứ 9 của đức Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát và bà Hữu Cung tần Trương Thị Hoàng. Tuyên Vương sinh vào ngày 27 tháng 11 năm Kỷ Mùi (27/12/1739). Theo sách *Tiên nguyên toát yếu phổ* 僊源撮要譜 do “Liên Đình Tôn Thất Hân” 蓮亭尊室訢 soạn năm Khải Định thứ 2 (1917) cho biết, ban đầu ông được chọn lập làm Thế tử, “nhon gặp lễ Thánh đàn của đức Võ Vương, ông đem một mâm lúa dâng lên mừng. Vua lấy làm lạ mới hỏi, ông tâu rằng: Lúa là gốc để nuôi lấy sự sống nên con xem quý hơn châu ngọc vì thế đem dâng”,⁽¹⁾ Đức Võ Vương nghe vậy vui mừng khôn xiết.

Tuyên Vương mất vào ngày 18 tháng 02 năm Canh Thìn (04/4/1760) lúc vừa tròn 22 tuổi. Chúa Nguyễn Phúc Khoát thương xót vô cùng, phong tặng Thái bảo Quận công, ra lệnh cấm việc xướng ca trong vòng 100 ngày, lăng ông táng tại làng Long Hồ (Hương Trà, Thừa Thiên Huế). Sách *Đại Nam thực lục* [Tiền biên, Thực lục về Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng đế] có đoạn: “Canh Thìn, năm thứ 22 (1760), mùa xuân, tháng 02, ngày Giáp Ngọ, Thế tử là Hiệu mất, tặng Thái bảo Quận công, cấm hát xướng trong 100 ngày. Thế tử là người hiền hiếu, nhân từ, thông minh, ai cũng tiếc (năm Gia Long thứ 3 truy phong là Tuyên Vương, lập đền thờ ở xã Long Hồ)”.⁽²⁾

Đến thời kỳ Trung Hưng ông được phong thụy là: *Hiếu Tuyên Vương* (孝宣王), thờ ở án thờ thứ 5 tại Thái Miếu ở Gia Định. Sau ngày thu phục Phú Xuân, năm 1804 vua Gia Long cho cải thụy là: *Duệ Tiết Ôn Lương Anh Duệ Minh Đạt Tuyên Vương*, sai dựng nhà thờ ở Long Hồ để thờ.⁽³⁾ Ông có một người con, đó chính là Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương.

1.2. Thân thế và sự nghiệp Mục Vương Nguyễn Phúc Dương

Mục Vương Nguyễn Phúc Dương 阮福暘, hiệu là *Tân Chánh Vương* 新政王, là con trai của Hiếu Tuyên Vương Nguyễn Phúc Hạo, cháu nội của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát và gọi chúa Nguyễn Phúc Thuận bằng chú.

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Ban đầu Hiếu Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát đã lập người con trai thứ 9 (tức Hiếu Tuyên Vương) làm Thế tử. Tuy nhiên, Thế tử mất sớm, Hoàng tử trưởng là Nguyễn Phúc Chương cũng qua đời nên mới chuẩn bị lập vị Hoàng tử thứ 2 là Nguyễn Phúc Côn (Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế, thân phụ vua Gia Long) lên làm Thế tử.⁽⁴⁾

Sau ngày Võ Vương mất (1765), quyền thần Trương Phúc Loan thay đổi di chiếu, phế bỏ Hoàng tử Côn, lập Hoàng tử thứ 16 là Nguyễn Phúc Thuận (tức Duệ Tông Hiếu Định Hoàng đế) mới 12 tuổi lên ngôi và xưng hiệu là Định Vương. Trương Phúc Loan chuyên quyền, tham lam bạo ngược, ra sức cướp bóc, trong dinh ngoài trấn sinh lòng oán hận rồi nạn buôn quan bán tước, sưu cao thuế nặng khiến cho bá tính khổ cực trăm bề. Năm 1773, quân Tây Sơn nổi binh chiếm cứ Quy Nhơn.

Mùa đông năm 1774, binh quan chúa Trịnh do lão tướng Hoàng Ngũ Phúc thân chinh tiến đánh Phú Xuân, với danh nghĩa “vì thân thích nhiều đời với chúa Nguyễn nên đem quân vào giúp, diệt trừ lòng thần Trương Phúc Loan”. Phú Xuân thất thủ, chúa Nguyễn Phúc Thuận cùng toàn bộ gia quyến chạy vào Quảng Nam, “năm Ất Vị thứ 10 (1775), chúa trú tắt tại Giá Tân (thuộc tỉnh Quảng Nam) lập Hoàng Tôn Dương làm Thế tử, xưng là Đông Cung”.⁽⁵⁾

Bấy giờ Phú Xuân đã bị quân Trịnh tiến chiếm, trong Nam Tây Sơn dấy binh khởi nghĩa. Sau khi chúa Nguyễn Phúc Thuận cùng toàn bộ gia quyến rời Phú Xuân về Gia Định, Đông Cung đành phải ở lại để cố thủ đất Quảng Nam. Theo sách *Đại Nam thực lục và Tiên nguyên toát yếu phổ* thì Đông Cung Nguyễn Phúc Dương ở lại đóng binh tại Cu Đê, quân Tây Sơn mưu lập ông làm vua để thu lấy lòng dân. Đông Cung hay tin mới tìm đường núi (thượng đạo) để lên vào Gia Định, nhưng đi nửa đường thì bị Lý Tài (tướng Tây Sơn, về sau đầu hàng) đuổi theo bắt được đưa về Hội An. Nguyễn Nhạc đón ông về Quy Nhơn, gặp lúc quân do Tổng Phước Hiệp thống lĩnh tiến đánh Phú Yên, đành chuyển ông tới Hà Liêu, An Thới (Quảng Nam) rồi Bông Giang. Tại đây, Nguyễn Nhạc mưu lập Đông Cung để thu phục nhân tâm “đem con gái là Thọ Hương gả cho, cho nhiều vàng bạc gấm lụa, lại cho huyện Bình Sơn làm của hồi môn (...) song Đông Cung đều không chịu”.⁽⁶⁾ Có lẽ vì chuyện này, nên cả Châu Văn Tiếp và Lý Tài rất bất mãn, dần từ bỏ hàng ngũ Tây Sơn, quy phục chúa Nguyễn.

Gần một năm sau (1776), Nguyễn Nhạc đưa Nguyễn Phúc Dương “về chùa Thập Tháp, đắp thành Đồ Bàn, lại đúc ấn vàng tự xưng làm vua Tây Sơn”.⁽⁷⁾ Năm đó ông trốn vào Gia Định. Nghe tin ông vào Gia Định, Lý Tài (vốn là thuộc hạ của Nguyễn Nhạc sau theo về giúp Tổng Phước Hiệp) rước ông về và lập nên Tân Chính Vương, tôn Duệ Tông làm Thái Thượng Vương.⁽⁸⁾

Vào năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ dẫn quân đánh vào Sài Gòn, ông bị thua phải lui về rạch Tranh, cố giữ Trà Lọt. Tháng 4 năm đó, Tây Sơn tấn công rạch Tranh, Chương cơ Tổng Phúc Thiêm đón ông về Ba Việt. Trong tình hình hết sức nguy ngập, hầu hết các tướng đều bị chết, chỉ còn mình ông và Tổng Phúc Hòa chiến đấu định chạy vào Bình Thuận hợp binh với Châu Văn Tiếp. Sự việc chưa thành thì giặc tấn công Ba Việt, Tổng Phúc Hòa mất, ông sợ đồn binh bị thảm sát, nên giao ước với Tây Sơn rằng: “Nếu các người dung tha tính mạng cho quân dân trong đồn của ta, ta sẽ tự tới chỗ các người”.⁽⁹⁾

Ông mất vào ngày 18 tháng 9 năm Đinh Dậu (18/10/1777). Ban đầu ông được ban thụy là *Hiếu Huệ Vương*, thờ tại Thái Miếu ở Gia Định,⁽¹⁰⁾ đến năm 1804 cải thụy: *Cung Mẫn Anh Đoán Huyền Mặc Vĩ Văn Mục Vương* 恭敏英斷玄默偉文穆王.

2. Hiện trạng và kiến trúc tẩm mộ Tuyên Vương, Mục Vương

2.1. Tẩm mộ và miếu thờ Tuyên Vương, Mục Vương qua ghi chép của chính sử triều Nguyễn

Tuyên Vương mất vào năm 1760, lăng táng tại làng Long Hồ. Trong sách *Đại Nam liệt truyện* [Tiền biên] cho biết như sau: “[Tuyên Vương] mất năm ấy 22 tuổi, tặng là Thái bảo Quận công, táng ở xã Long Hồ. Năm Gia Long thứ 3 (1804) cho lập đền ở Long Hồ để thờ”.⁽¹¹⁾ Mục Vương mất vào ngày 18 tháng 10 năm 1777, đến năm Gia Long thứ 8 (1809) cải táng về dựng sơn phần ở xã Long Hồ, “thờ chung viên tẩm của Tuyên Vương, cấp cho hai vương mỗi người 100 mẫu ruộng thờ”.⁽¹²⁾ Tẩm mộ của nhị vị Tuyên Vương, Mục Vương táng trong cùng một khuôn viên, cạnh đó là ngôi đền thờ, để con cháu hương khói thường niên.

Đền thờ Tuyên Vương, Mục Vương tuy chỉ còn lại của một phế tích, nhưng đây là công trình kiến trúc rất quan trọng gắn bó mật thiết với khu tẩm mộ. Đền thờ Tuyên Vương, Mục Vương là nơi phối thờ hai ngài, được chính thức xây dựng vào năm Gia Long thứ 3 (1804). Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* mô tả như sau “tiền đường và chính đường đều ba gian, hợp làm một tòa, bốn chung quanh có tường bao, có một cửa trước”.⁽¹³⁾

Ghi chép về đền thờ này, trong *Đại Nam nhất thống chí* có đoạn: “Đền thờ Tuyên Vương, Mục Vương ở xã Long Hồ, huyện Hương Trà, dựng năm Gia Long thứ 3 (1804). Chính đường, tiền đường đều ba gian, hợp làm một tòa. Thờ chung hai vị Tuyên Vương, Mục Vương”.⁽¹⁴⁾ Theo một số người dân cho biết, toàn bộ kiến trúc miếu thờ bị cuốn trôi trong cơn lũ năm 1953. Hiện nay, phần nền móng của nó đã bị san phẳng hoàn toàn.

Xuất phát từ tấm lòng hiếu kính, tri ân và ngưỡng vọng công đức tiền nhân, nối tiếp các triều vua nhà Nguyễn, bên cạnh việc chăm lo sửa sang, xây dựng mộ

phân, lãng tâm, miếu thờ các đời liệt thánh, tổ tiên dòng họ, thì việc phụng thờ, tế tự được triều đình chu toàn mọi bề. Hoạt động tế tự thường niên đối với nhị vị Tuyên Mục Vương trước năm 1945 được tổ chức đều đặn theo đúng quy định điển chế của triều đình. Bắt đầu từ triều vua Gia Long trở đi, hàng năm tế vào hai mùa Xuân Thu và ngày hợp tế diễn ra ở Thái Miếu. Hai ngày lễ kỵ đều dùng tam sinh, 2 mâm xôi, 2 mâm cỗ; ba ngày tết Chính đán, Đoan dương, Tế chạp, Cáo kỵ dùng 2 mâm cỗ.⁽¹⁵⁾

Dưới thời kỳ nhà Nguyễn, tâm mộ và đền thờ Tuyên Vương, Mục Vương do phủ Tôn Nhơn đứng ra đảm trách việc hương khói, giỗ chạp. Từ đầu triều vua Gia Long (1805), chuẩn cấp cho 20 người dân ở làng Long Hồ lo việc phu đền, tâm mộ, đồng thời cấp 200 mẫu ruộng chi dùng tế tự. Sau năm 1945, các lễ húy kỵ, chạp giỗ hàng năm do con cháu và Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc đảm nhiệm.

Trong một thời gian dài do thiếu điều kiện chăm sóc tu bổ, chiến tranh, thiên nhiên tàn phá, cụm tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương đã bị hư hỏng, xuống cấp trầm trọng. Năm 2004, Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc tiến hành khảo sát, phát quang cây cỏ. Trong đợt này Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc đã cho thiết dựng một tấm bia đá định danh, có kích thước: cao 90cm; rộng 59cm; dày 8cm, đặt trên đế rộng 83cm; dài 43cm và cao 24cm, dựng ngay vị trí tiền án lãng, ghi rõ nội dung: danh tính, năm sinh năm mất của hai ngài.

2.2. Hiện trạng và kiến trúc tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương

Tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương (*Tuyên Mục nhị Vương lãng* 宣穆二王陵), nằm về phía tây của thành phố, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 9,6km. Tọa lạc sát bên bờ sông Bạch Yến, tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương có tọa độ 16°44'97" vĩ độ Bắc, 107°52'78" kinh độ Đông, thuộc địa phận Xóm Tâm, giáp Hạ, làng Long Hồ (nay là Tổ 5, phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế).

So với nhiều lăng mộ thời chúa Nguyễn, tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương khá thuận tiện trong việc đi lại cả đường bộ lẫn đường thủy. Từ thành phố Huế, du khách muốn viếng thăm, đi ngược lên vùng Kim Long, chạy thẳng theo tuyến đường Tỉnh lộ 12B, ngang qua chùa Thiên Mục, Văn Miếu..., đến cầu Long Hồ (hay còn gọi là cầu Xước Dũ) rẽ phải theo đường Nguyễn Trọng Nhân, đi khoảng 150m rẽ trái vào kiệt 05, tiếp tục đi thẳng khoảng 310m thì đến khu mộ Tuyên Vương, Mục Vương.

Sau ngày trở lại Phú Xuân (1802), các vị vua nhà Nguyễn tiến hành cải táng hàng loạt các ngôi mộ của thân quyến từ miền Nam về lại Huế. Phần lớn lăng mộ các đời chúa Nguyễn đều được cát táng ở phía tây, tây nam Kinh Thành, dọc hai bờ Sông Hương và hệ thống chi lưu của nó. Tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương được xây dựng trên bãi bồi ven sông, quay mặt theo hướng tây nam, cách sông Bạch Yến khoảng 40m. Hai ngôi lăng này đặt cách nhau khoảng 5,69m.



Hình 1: Vị trí làng mộ Tuyên Vương, Mực Vương trên Google map.

Tả mộ Tuyên Vương, Mực Vương được xây dựng trên cùng một địa điểm nhưng trong khoảng thời gian khác nhau, cụ thể là cách nhau gần 50 năm. Lựa chọn vị trí xây dựng tả mộ cho nhị vị Vương, các nhà kiến trúc sư vào thời điểm đó hoàn toàn tuân thủ quan điểm về thuật phong thủy. Hai ngôi mộ này được bao bọc bởi con sông Bạch Yến (chi lưu Sông Hương), xa xa là những dãy đồi núi trùng điệp với chức năng tiền án, che chắn vững chãi vô cùng.

2.2.1. Tả mộ Tuyên Vương Nguyễn Phúc Hạo

Tọa hướng tây nam, tả mộ Tuyên Vương có bình đồ hình chữ nhật, với cấu trúc hai vòng thành (ngoại phương - nội viên). Thành ngoại tả mộ với tổng chiều dài 21,1m; chiều rộng 18,07m; cao 72cm; dày 120cm. Hiện nay chỉ còn lại đoạn thành ở phía hữu là còn khá nguyên vẹn, hai đoạn phía tả, mặt tiền và mặt hậu sụp đổ hoàn toàn, đất bồi lấp kín, cây dại xâm thực.

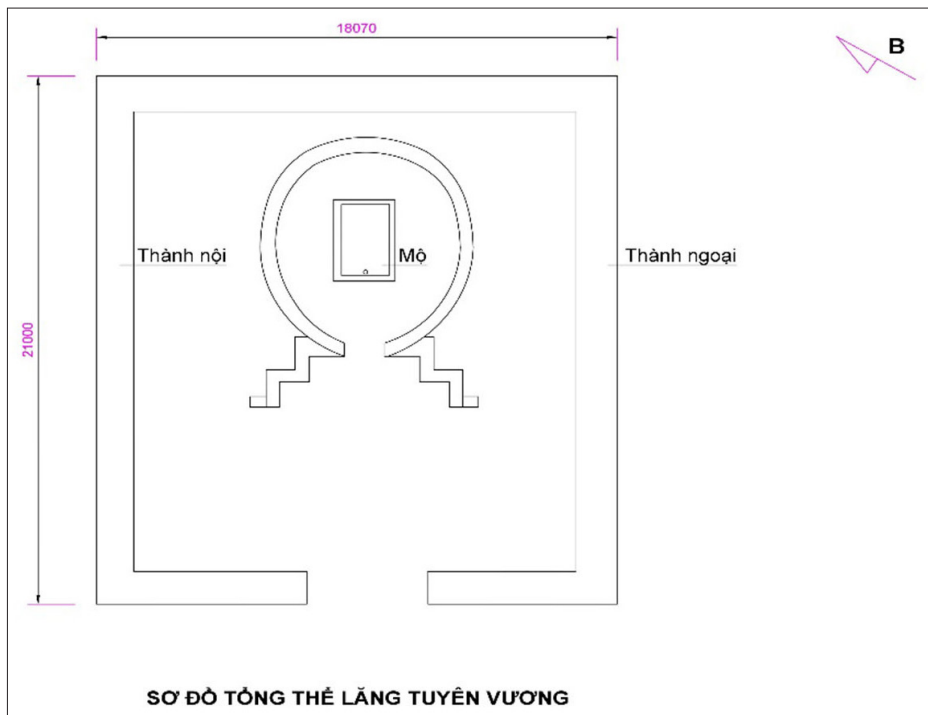
Thành ngoại được xây dựng bằng gạch, đá (đá gan gà, đá núi), bên ngoài trát vôi vữa. Tại đây, chúng tôi xác định có ít nhất hai loại gạch được sử dụng. Loại thứ nhất có chiều rộng 13,9cm; dày 3,7cm. Loại thứ hai, với chiều rộng 15cm; dày 4,2cm.

Thành nội có dạng viên hình, với đường kính 641cm (nơi rộng nhất), thành dày 59cm; cao 55cm (nơi cao nhất). Khác với thành ngoại, thành nội được xây dựng bằng hợp chất vôi hào tán nhuyễn, mịn đều, dựa theo kỹ thuật đúc xếp chồng các lớp hợp chất. Thành thấp dần từ trước đến sau, phía trước uốn cong tạo thành cổng mộ với bề rộng 139cm, phần chóp trụ thiết kế theo hình xoắn ốc. Phía mặt tiền thành được mở rộng theo hình gấp khúc, có dạng long hóa, tạo nên sự mềm mại, cân đối về bình diện.



Hình 2: Tổng thể tấm mộ Tuyên vương. Ảnh: Tôn Thất Hộ.

Nấm mộ lăng Tuyên Vương có kiểu mộ hình chữ nhật (sàng hình), với hai tầng xây dựng bằng vôi vữa, phía trước không có hương án. Trong đó, kích thước tầng trên với chiều dài 273,2cm; chiều rộng 171cm; chiều cao 16,2cm. Tầng dưới có kích thước: chiều dài 324cm; chiều rộng 222cm; chiều cao 27cm. Theo một số người dân nơi đây, sau năm 1975, tấm mộ Tuyên Vương đã bị một số kẻ gian đào trộm, lấy đi rất nhiều đồ tùy táng.



Hình 3: Sơ đồ tổng thể tấm mộ Tuyên Vương. Nguồn: KTS. Trần Đại Hạnh.

2.2.2. Tẩm mộ Mục Vương Nguyễn Phúc Dương

Tẩm mộ Mục Vương nằm về phía bên phải (từ trong nhìn ra), có bình đồ hình chữ nhật, bao gồm hai vòng thành (thành nội, thành ngoại), (nội phương - ngoại phương), với tổng chu vi là 79,6m², bao gồm các đơn nguyên kiến trúc: bình phong tiền, án thờ, tẩm mộ.

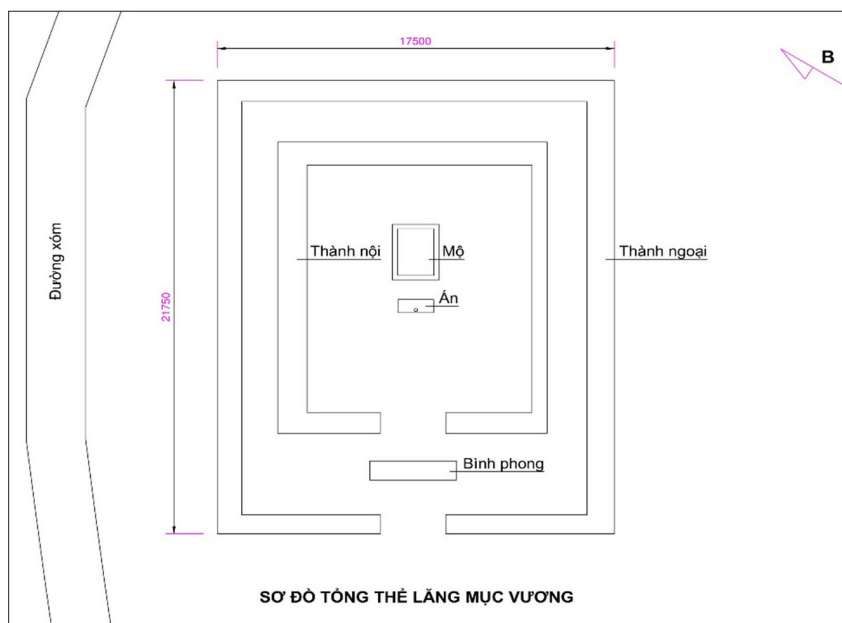


Hình 4: Hiện trạng tẩm mộ Mục Vương. Ảnh: Tôn Thất Hộ.

Thành ngoài với chiều rộng 17,5m; dài 21,75m; thành dày 89cm; cao 112cm. Đoạn thành ở mặt hậu và hai bên tả hữu bị sụt lún, nhiều đoạn sụp đổ hoàn toàn, đất cát vùi lấp, độ cao khoảng 46cm. Thành được xây dựng bằng đá, theo kỹ thuật xếp khan. Thành nội cách thành ngoại ở mặt tả - hữu 161cm; mặt tiền 410cm, mặt hậu 191cm; cửa rộng 275cm. Thành cao 52cm; dày 72cm, rộng 11,87m; dài 13,97m.

Bình phong tiền ở tẩm mộ Mục Vương được xây bằng đá gan gà, gạch vụn, trát vôi vữa, cách thành ngoại 165cm và thành nội là 168cm. Bình phong có kích thước: cao 66cm; rộng 383cm và dày 82cm. Mặt trước và mặt sau bình phong đều đắp nổi sành sứ, đường viền kẻ chỉ nổi. Tại vị trí chính diện mặt tiền vẫn còn thấy rõ hoa văn hồ phù. Tuy nhiên do thời gian, chiến tranh tàn phá, bình phong bị sụt lún, bong tróc quá nhiều nên rất khó để nhận diện đề tài trang trí. Hương án tẩm mộ Mục Vương xây bằng cốt gạch, trát vữa. Khoảng cách từ bình phong tiền đến hương án là 717cm. Chiều cao của hương án 75cm; dày 62cm; rộng 158cm.

Nấm mộ của Mục Vương đặt cách hương án 94cm. Mộ với hai tầng hình chữ nhật, xây bằng xi măng, cốt gạch. Tầng trên có kích thước: chiều cao 47,2cm; chiều rộng 160cm; chiều dài 223cm. Tầng dưới với chiều cao 12,5cm; chiều rộng 202cm và chiều dài 266cm.



Hình 5: Sơ đồ tổng thể tâm mộ Mục Vương. Nguồn: KTS. Trần Đại Hạnh.

3. Một số nhận xét (Thay lời kết)

3.1. Về mặt tổng thể, cụm tâm mộ nhị vị Vương có quy mô khá khiêm tốn, đây là nơi “an giấc ngàn thu” của hai nhân vật có số phận khá đặc biệt, gắn liền với thời kỳ cuối của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Tâm mộ Mục Vương thể hiện nét đặc trưng nổi bật, có tính quy chuẩn thống nhất, hoàn toàn đồng dạng với cụm lăng mộ 9 đời chúa Nguyễn, với 2 lớp tường thành hình chữ nhật bao bọc, xây bằng đá núi, gạch vồ, trước mặt có bình phong xây gạch đá che chắn. Nấm mộ xây hình khối chữ nhật, giạt 2 cấp. Trong khi đó từ kiểu thức đến kỹ thuật xây dựng, ngôi mộ của đức Tuyên Vương lại phản ánh rõ phong cách lăng mộ thời Chúa, đây là giai đoạn chuyển tiếp của kiến trúc lăng mộ triều Nguyễn nói chung.

Tâm mộ Tuyên Mục nhị Vương là chứng tích vật thể hiếm hoi, đây là nơi còn lưu giữ, bảo tồn nguyên trạng kiến trúc ban đầu, thể hiện sự tiếp nối phong cách kiến trúc, mỹ thuật giai đoạn chúa Nguyễn đến giai đoạn đầu vua Nguyễn. Cùng với quần thể di tích Cố đô Huế, tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương là một phức hệ trong hệ thống lăng tẩm thuộc thời Nguyễn, đó chính là “quỹ kiến trúc” quý giá để chúng ta nghiên cứu và hiểu thêm về một giá trị lịch sử văn hóa, mỹ thuật và kiến trúc của triều Nguyễn.

3.2. Sớm được chỉ định “kế vị” ngôi Chúa, tiệt thay Hiếu Tuyên Vương mất khi tuổi đời còn quá trẻ. Sau cái chết của ông, nội chính Nam triều ngày càng rối ren, tiếp đó thành phần ngoại thích nổi lên, nội bộ tranh đoạt quyền lực lẫn nhau, chính là duyên cớ cho những chuỗi ngày đầy biến động trên toàn cõi Việt Nam.

Sinh ra trong giai đoạn ly loạn, cuộc đời Mục Vương Nguyễn Phúc Dương cũng thăng trầm theo vận nước. Ông đã trải hơn 4 năm trời rông rã bôn tẩu, nếm trải bao khổ đau tủi nhục. Thế nhưng, khi sự nghiệp chưa thành, thân ông phải gửi lại nơi xứ người. Có thể nói rằng, khu tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương chính là lưu ảnh duy nhất của hai vị vương có số phận kém may mắn trong lịch sử chính thể Đàng Trong.

Huế, vùng đất Cố đô xưa vẫn thường được nhắc đến là một thành phố của thi ca, man mác nỗi buồn trong lòng người lữ thứ. Huế không chỉ có dòng Hương Giang thơ mộng, hay thành quách rũ bóng rêu phong, mà Huế còn vẫn vương du khách thập phương bởi hệ thống lăng tẩm cổ kính. Với giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật của khu tâm mộ Tuyên Vương, Mục Vương, thiết nghĩ cần nhanh chóng có phương án trùng tu, bảo tồn nhằm trả lại nguyên vẹn hiện trạng, góp phần đa dạng hóa sản phẩm tour du lịch đến Huế.

L T A H, Đ M Đ

CHÚ THÍCH

- (1) Liên Đình Tôn Thất Hân. (1935). *Tiên nguyên toát yếu phổ*. Lễ Bộ Thượng thư Ưng Bình, Ưng Tôn dịch. In tại nhà in Tiếng Dân. Huế, tr. 62.
- (2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập I. Bản dịch Viện Sử học, tr. 167.
- (3) - Liên Đình Tôn Thất Hân. (1935). *Tiên nguyên toát yếu phổ*. Sđd, tr. 62 - 63.
- Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Nxb Thuận Hóa, tr. 186.
- (4) Nguyễn Phước tộc. (1992). *Nguyễn Phúc tộc giản yếu*. Ban liên lạc Nguyễn Phước tộc tại Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành. Lưu hành nội bộ, tr. 33.
- (5) Liên Đình Tôn Thất Hân. (1935). *Tiên nguyên toát yếu phổ*. Sđd, tr. 71.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1995). *Đại Nam liệt truyện*. [Tiền biên]. Bản dịch Cao Tự Thanh. Nxb Khoa học Xã hội, tr. 110.
- (7) Liên Đình Tôn Thất Hân. (1935). *Tiên nguyên toát yếu phổ*. Sđd, tr. 72.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1995). *Đại Nam liệt truyện*. Sđd, tr. 111.
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1995). *Đại Nam liệt truyện*. Sđd, tr. 113.
- (10) Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Sđd, tr. 229.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1995). *Đại Nam liệt truyện*. Sđd, tr. 109.
- (12) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1995). *Đại Nam liệt truyện*. Sđd, tr. 112.
- (13) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập VII [Quyển 207, Quy chế Đàn miếu]. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa, tr. 55.
- (14) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 1. Bản dịch Hoàng Văn Lâu. Nxb Lao Động. tr. 57.
- (15) Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập IV [Quyển 92, Tế tự các Đàn miếu]. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa, tr. 314 - 315.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Nxb Thuận Hóa.
2. Liên Đình Tôn Thất Hân. (1935). *Tiên nguyên toát yếu phả*. Lễ Bộ Thượng thư Ưng Bình, Ưng Tôn dịch. In tại nhà in Tiếng Dân. Huế.
3. Nguyễn Hữu Thông, Chủ biên. (2014). *Mỹ thuật thờ chúa Nguyễn, dẫn liệu từ di sản lăng mộ*. Nxb Thuận Hóa.
4. Nguyễn Phước tộc. (1971). *Nguyễn Phúc tộc lược biên*. Bản in Ronéo.
5. Nguyễn Phước tộc. (1992). *Nguyễn Phúc tộc giản yếu*. Ban liên lạc Nguyễn Phước tộc tại Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành. Lưu hành nội bộ.
6. Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập VII [Quyển 207, Quy chế Đàn miếu]. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa.
7. Nội Các triều Nguyễn. (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập IV [Quyển 92, Tế tự các Đàn miếu]. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa.
8. Phan Thanh Hải. (2003). “Lăng mộ các chúa Nguyễn”. Trong *Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân*. Nxb Thuận Hóa.
9. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1995). *Đại Nam liệt truyện* [Tiền biên]. Bản dịch Cao Tự Thanh. Nxb Khoa học Xã hội.
10. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Giáo Dục.
11. Tôn Thất Cồn. (1943). *Hoàng tộc lược biên*. Nhà in Nguyễn Văn Cửa.
12. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 1. Bản dịch Hoàng Văn Lâu. Nxb Lao Động.

TÓM TẮT

Bài viết khảo tả thân thế và sự nghiệp, cũng như tẩm mộ Tuyên Vương và Mục Vương, là nơi “an giấc ngàn thu” của hai nhân vật có số phận khá đặc biệt, gắn liền với thời kỳ cuối của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Trên cơ sở khảo sát thực tế, kết hợp nguồn tư liệu chính sử nhà Nguyễn, bài viết này bên cạnh cung cấp thông tin về thân thế, sự nghiệp của Tuyên Vương, Mục Vương, đồng thời khảo tả toàn bộ hiện trạng và kiến trúc tẩm mộ.

ABSTRACT

STUDY THE ARCHITECTURE OF TUYẾN VƯƠNG'S AND MỤC VƯƠNG'S ROYAL TOMBS

Article described the life and career, as well as Tuyên Vương's and Mục Vương's royal tombs were the “eternal resting place” of two personages who had a special fate, attached with the late Nguyễn Lords in Đàng Trong (Cochinchina). On the basis of actual survey, combining the major historical documents of Nguyễn Dynasty, in addition to providing information about their life and career, at the same time, this article studied the entire current state and their architectural tombs.